

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/02/2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Thúy

Bà Phạm Thị Sơn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Xuân T, sinh năm: 1978, vắng mặt.

Địa chỉ: Số A, đường T, phường N, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Thiều Thị L, sinh năm: 1977, vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Số B, đường N, phố L, phường T (trước đây là thôn L, xã T), TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Singapore.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Trịnh Xuân T trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh và chị Thiều Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh ở tại Số A, đường T, phường N, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chị L lao động tự do, còn anh làm

nghề lái tàu thủy nên đi công tác thường xuyên, vợ chồng ít có thời gian quan tâm đến nhau, hơn nữa vợ chồng anh không có con chung. Tháng 7/2022, chị L đi xuất khẩu lao động tại Singapore, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Từ khi chị L đi xuất khẩu không liên lạc với anh nên anh không biết địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cụ thể của chị L bên Singapore.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thiều Thị L.

2. Về con: Anh chị không có con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Anh T trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị Thiều Thị L tại Singapore nên không thể cung cấp cho Tòa án. Chị L vẫn thường xuyên liên lạc với bố đẻ là ông Thiều Nhất Sơn, địa chỉ ở phố Tân Lê, phường Đông Tân, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin của chị L từ ông Sơn.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Thiều Nhất S trình bày:

Ông là bố đẻ của chị Thiều Thị L. Anh Trịnh Xuân T là chồng chị L và là con rể ông. Năm 2014, anh T và chị L kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị L ở với gia đình anh T tại phường N, thành phố Thanh Hóa. Theo ông được biết quá trình chung sống vợ chồng chị L có mâu thuẫn nên khoảng năm 2020 hoặc năm 2021 anh chị đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, nhưng không hiểu lý do tại sao anh chị lại rút đơn ly hôn. Đến tháng 7 năm 2022, chị L đi xuất khẩu lao động tại Singapore, thời hạn hợp đồng là 02 năm. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị L. Quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị L không có con chung. Về tài sản và công nợ chung của anh T và chị L ông không biết. Ông không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở Singapore nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng ông vẫn thường xuyên liên lạc với chị L nên ông đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị L.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trịnh Xuân T, xử cho anh T được ly hôn chị L. Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Anh Trịnh Xuân T là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là chị Thiệu Thị L đăng ký hộ khẩu tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống tại Singapore. Do trong vụ án có bị đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Anh T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị L ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị L tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông Thiệu Nhất S là bố đẻ của chị L trình bày không biết địa chỉ của chị L ở Singapore. Tuy chị L thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của chị hiện nay ở nước ngoài. Ông Sơn vẫn thường xuyên liên lạc với chị L nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị L. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trịnh Xuân T có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là chị Thiệu Thị L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh Trịnh Xuân T và chị Thiệu Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu gửi đến Tòa án, anh T đều trình bày vợ chồng anh mâu thuẫn nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không liên hệ với nhau, anh không có địa chỉ của chị L tại Singapore nên không cung cấp địa chỉ của chị L tại Singapore cho Tòa án được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh T được ly hôn chị L.

[2.2]. Về con: Anh chị không có con chung nên HĐXX không xét.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét. Chị L không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu chị L yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trịnh Xuân T.

- Về hôn nhân: Cho anh Trịnh Xuân T được ly hôn chị Thiều Thị L.

- Về con: Anh T và chị L không có con chung.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trịnh Xuân T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số 0000262 ngày 23/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo:

Anh Trịnh Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Thiều Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường N, TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP; - Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy